

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 6 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn X, sinh năm 1970.

Cư trú tại: Ấp Tân A, xã T, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Ấp Tân A, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Võ Văn X trình bày:

- Về hôn nhân: Ông với bà Trần Thị M chung sống năm 1991, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, thân tộc nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành, từ đó tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai có trách nhiệm với ai nên vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà M nên yêu cầu được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 03 người con tên Võ Thị B , sinh năm 1992; Võ Văn Đ , sinh năm 1994; Võ Quỳnh N , sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành và không hạn chế về khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Ông X xác định không có.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà M theo quy định pháp luật, nhưng bà M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông X .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Bà M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà M vắng mặt không có lý do. Vào ngày 21/5/2020 ông X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X và bà M.

[2] *Về hôn nhân*. Ông X với bà M chung sống vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông X yêu cầu ly hôn bà M với các lý do sau: Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên đã ly thân hơn 04 năm nay. Nay, ông xác định không còn tình cảm với bà M nên yêu cầu được ly hôn với bà M . Do ông X với bà M chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông X với bà M là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Tên Võ Thị B , sinh năm 1992; Võ Văn Đ , sinh năm 1994 và Võ Quỳnh N , sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành và không hạn chế về khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Ông X xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Văn X với bà Nguyễn Thị M là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông X phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010578 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông X, bà M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Văn và ông Nguyễn Văn Hiên.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1976.
- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Diệu, sinh năm 1980.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật căn cứ:

- Căn cứ vào 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Bằng và bà Huỳnh Thị Diệu.

Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Nhật Duy, sinh ngày 01/5/2010 cho ông Bằng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Huỳnh Thị Diệu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông Bằng không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

3. Các vấn đề khác:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Bằng phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010296 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông Bằng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về kháng cáo:

Ông Bằng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Diệu có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

